TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày: 22-8- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thành.

2. Ông Phạm Thạch Út

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Tú Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1989, nơi sinh: An Giang; Nơi cư trú: Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Bé N1, sinh năm 1969 (Không rõ tung tích) và Lê Thị B, sinh năm 1965; Anh em ruột: Có 07 người, bị cáo là người lớn nhất; Bị cáo chưa có vợ con.

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh An Giang, không được đi học, làm thuê phụ giúp gia đình. Ngày 10/7/2013, bị Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam giữ" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong ngày 24/12/2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 18/5/2019, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/5/2019 đến nay.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Ông Nguyễn Đức K1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh An Giang - Có mặt.

Địa chỉ: Số 01 Lý Thường Kiệt, phường M, TP. LX, tỉnh An Giang.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1953, nơi cư trú: Ấp P, xã C, huyện X, tỉnh An Giang -Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1/- Ông Trần Văn Tuấn A, sinh năm 1982 - Vắng mặt.

2/- Bà Giáp Thị Bé T4, sinh năm 1955 - Vắng mặt.

3/- Bà Võ Thị Ngọc K2, sinh năm 1984 - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 09/5/2019, Lê Văn N đi bộ trên tuyến Quốc lộ 91 theo hướng Châu Đốc – Long Xuyên để tìm tài sản lấy trộm, khi đến nhà ông Trần Văn T1 cặp Quốc lộ 91, thuộc ấp P, xã C, huyện X, tỉnh An Giang, N cởi quần sọt và để đôi dép bằng nhựa bên ngoài hàng rào rồi leo qua hàng rào vào bên trong sân nhà ông T1, N tiếp tục cởi áo thun đang mặc để dưới gốc cây Xoài và trèo lên cây để tiếp tục trèo qua lưới rào vào bên hông nhà, khi vào hông nhà N xô cửa tạo khoảng trống chui vào bên trong nhà ông T1, khi vào đến bên trong nhà N thấy quần của ông T1 đang treo trên móc thì đến kiểm tra và lấy trộm 5.821.000 đồng cùng với 01 điện thoại di động hiệu GIONEE – E7 của ông T1 để trên đầu tủ. Lấy trộm xong, N đi ra bên hông nhà để tẩu thoát thì bị anh Trần Văn Tuấn A (con ông T1) phát hiện và tri hô. N ném tiền và điện thoại trộm được lên sân thượng nhưng điện thoại và số tiền 1.000.000 đồng bị rơi lại nằm dưới nền gạch, còn số tiền 4.821.000 đồng trên sân thượng, N bị ông T1 cùng gia đình bắt quả tang.

Ngày 19/5/2019, N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X khởi tố điều tra.

Tại Kết luận định giá số 47/KL.ĐG ngày 20/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, tỉnh An Giang, kết luận: Một điện thoại di động hiệu GIONEE - E7 màu trắng, màn hình cảm ứng trị giá 1.497.000 (Một triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn) đồng.

Tại cáo trạng số 22/CT-VKSCT-HS ngày 30/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố để xét xử bị cáo Lê Văn N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 09 (Chín) tháng đến 01 năm 03 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* có khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 5 đến ngày 18 tháng 5 năm 2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đề nghị xem xét.

- Về vật chứng:

+ Đối với vật chứng là điện thoại di động màu trắng, màn hình cảm ứng, hiệu GIONEE – E7 và số tiền Việt Nam 5.821.000 đồng, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại nên không đề nghị xem xét.

+ Đối với 01 áo thun tay ngắn màu xanh rêu thu giữ của bị cáo không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Lê Văn N khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với nộ i dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nói lời sau cùng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người làm chứng tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu, hiện đã được cơ quan điều tra thu hồi tài sản trả lại cho người bị hại nên bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. (BL54 -58, 68-71)

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Việc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên không tranh luận về tội danh và khung hình phạt áp dụng, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo thêm Điều 15 và điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự quy định về trường hợp phạm tội chưa đạt và phạm tội chưa gây thiệt hại, đề nghị xử phạt bị cáo N mức án ở đầu khung hình phạt để bị cáo sớm trở về gia đình làm lại người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại và những người làm chứng là ông Trần Văn T1, Trần Văn Tuấn A, bà Giáp Thị Bé T4, Võ Thị Ngọc K2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo và đánh giá toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, vào ngày 09/5/2019, lợi dụng điều kiện ban đêm, bị cáo Lê Văn N đã leo rào đột nhập vào nhà bị hại lén lút lấy trộm tài sản là số tiền 5.821.000 đồng và điện thoại di động GIONEE –E7, tổng giá trị tài sản là 7.318.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Xét đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo: Do tài sản mà bị cáo sau khi trộm được vẫn chưa đem ra khỏi hàng rào khuôn viên nhà của bị hại, tài sản không được tiêu thụ, bị cáo không có lợi gì trên tài sản trộm của bị hại nên đề nghị áp dụng thêm đối với bị cáo tình tiết phạm tội chưa đạt và phạm tội chưa gây thiệt hại. Thì thấy, mặc dù khi bị phát hiện bắt quả tang bị cáo vẫn còn trong hàng rào khuôn viên nhà của bị hại, nhưng căn cứ theo lời khai trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt được tài sản của bị hại, do đó hành vi của bị cáo đã thỏa mãn cấu thành tội phạm, việc bị cáo không tẩu thoát được là do bị phát hiện. Do đó, đề nghị của người bào chữa như đã nêu là không có cơ sở cho hội đồng xét xử xem xét.

[3]. Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập tự nuôi sống bản thân và phụ giúp cho gia đình nhưng ngược lại vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động cực nhọc, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản và trốn khỏi nơi giam. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấnthấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông Trần Văn T1 trình bày đã nhận lại tài sản bị trộm và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Xử lý vật chứng trong vụ án:

Do bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun tay ngắn màu xanh rêu (áo đã qua sử dụng). Vật chứng trên được quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 18/QĐ-VKSCT-HS ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành

Đối với vật chứng là điện thoại di động màu trắng, màn hình cảm ứng, hiệu GIONEE – E7 và số tiền Việt Nam 5.821.000 đồng đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (Có khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 10/5/2019 đến ngày 18/5/2019)

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun tay ngắn màu xanh rêu. Vật chứng trên được quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 18/QĐ-VKSCT-HS ngày 30/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Lê Văn N phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKS Châu Thành;
- VKS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA–TAND An Giang;
- CQ CSĐT Công an Châu Thành;
- Chi cục THA.DS Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Trinh